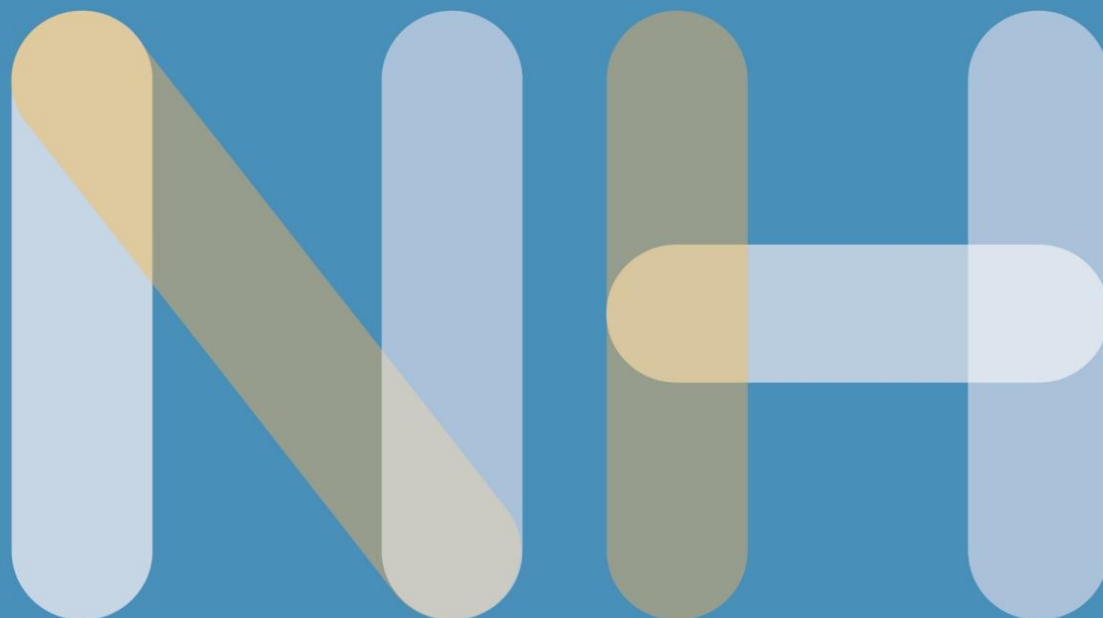


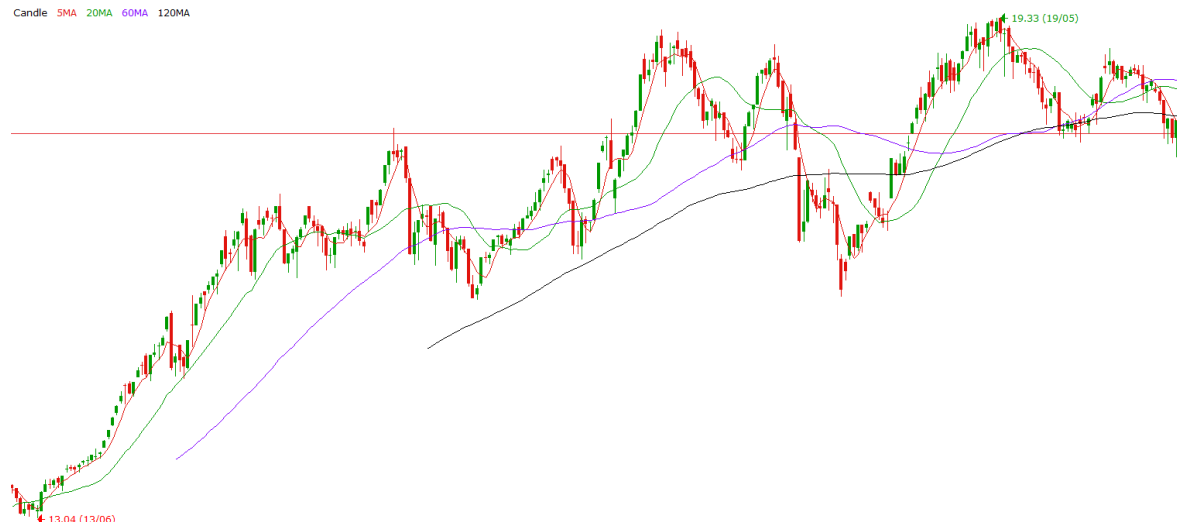
BẢN TIN HÀNG NGÀY

17 tháng 7 năm 2026



Vn-Index lại giảm 16.79 điểm

- Vn-Index giảm trong suốt cả ngày, và đóng cửa giảm 16.79 điểm
- Số mã giảm gấp 2.3 lần số mã tăng
- Nhóm VIN (VIC VHM VRE VPL) cũng giảm điểm, và đóng góp 7.7 điểm vào chiều giảm
- Hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm, trong đó giảm mạnh nhất là dầu khí, chứng khoán
- Điểm nhấn có lẽ là PNJ hồi phục, tăng 5.1%
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 41% so với ngày trước đó.

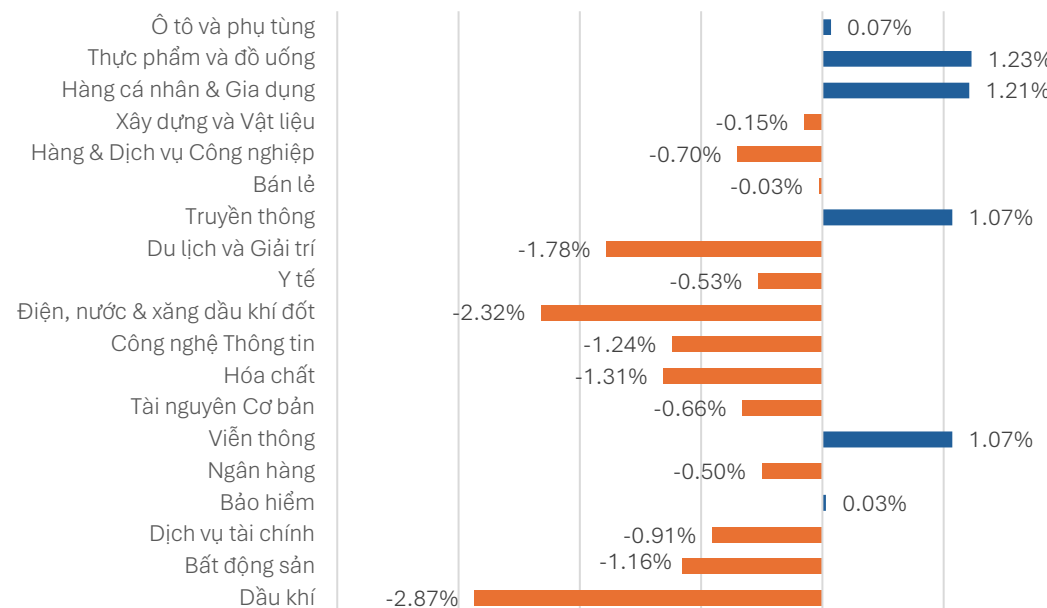


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,787.5	291.7	127.4
(+/-)	-16.79	3.38	0.76
(%)	-0.93%	1.17%	0.60%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	437	41	22
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	11,645	648	212
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(674)	(11)	(0)
Số mã tăng	95	49	144
Số mã giảm	216	74	96
Số mã giá không đổi	55	54	112

1.

Nhận định thị trường

- Như vậy, VN-Index tiếp tục giảm và có lẽ sẽ lại kiểm định lại vùng hỗ trợ quanh MA200 thêm 1 lần nữa
- MA200 hiện đang đặt tại vùng 1,771 điểm, Vn-Index cũng đã có 3 4 lần retest thành công tại ngưỡng hỗ trợ này
- Dự kiến trong 2 ngày cuối tuần, sẽ có rất nhiều doanh nghiệp chính thức công bố báo cáo tài chính quý 2, đặc biệt là nhóm chứng khoán
- Chúng tôi cũng rất kỳ vọng, lợi nhuận tích cực công bố trong 2 ngày cuối tuần sẽ là động lực quan trọng để Vn-Index tăng điểm trong tuần tới.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	11.85	1.67
2	Nguyên vật liệu	12.07	1.43
3	Công nghiệp	12.24	1.68
4	Hàng Tiêu dùng	13.21	2.22
5	Dược phẩm và Y tế	15.31	1.50
6	Dịch vụ Tiêu dùng	18.79	3.44
7	Viễn thông	19.93	5.14
8	Tiện ích Cộng đồng	11.92	1.69
9	Tài chính	20.90	2.91
10	Ngân hàng	9.21	1.49
11	Công nghệ Thông tin	12.43	2.47

2.

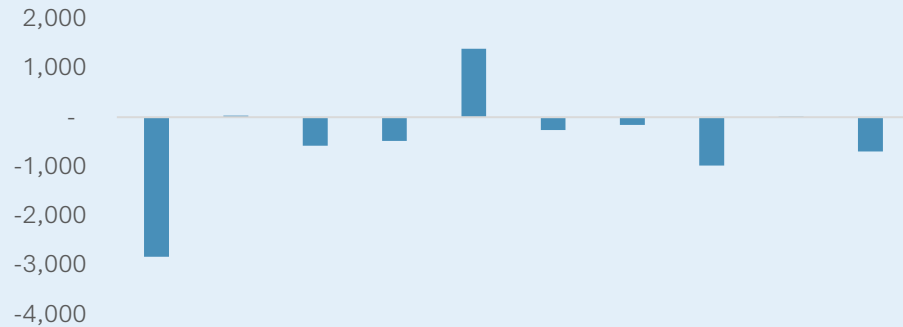
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
STB	2.37%	KBC	0.88%	HCM	2.01%	VNM	4.98%	BMP	0.13%	PTB	0.43%	TMP	5.22%	AAA	0.28%
LPB	1.73%	SIP	0.83%	VND	1.13%	MCM	1.94%	HHV	-0.48%	ACG	-0.30%	TDM	4.63%	DGC	0.00%
OCB	1.39%	KOS	0.28%	EVF	0.00%	SAB	1.19%	HTI	-0.53%	DHC	-0.63%	NT2	1.17%	VFG	0.00%
HDB	0.37%	SZC	0.25%	ORS	-1.42%	VHC	0.88%	CTR	-0.71%	HPG	-1.58%	REE	0.87%	DPR	-0.13%
MSB	0.00%	NLG	0.20%	AGR	-1.74%	BAF	0.34%	VGC	-1.08%	HSG	-2.59%	PPC	0.78%	DPM	-1.05%
BID	-0.13%	NVL	0.00%	VIX	-2.14%	ASM	0.16%	PC1	-2.02%	NKG	-3.46%	SHP	0.62%	PHR	-1.14%
EIB	-0.26%	DXG	0.00%	VCI	-2.75%	FMC	0.00%	VCG	-3.17%			VSH	0.00%	GVR	-1.82%
SSB	-0.31%	BCM	-0.23%	CTS	-4.04%	MSN	0.00%	CII	-4.06%			HNA	0.00%	DCM	-2.16%
VIB	-0.32%	SJS	-1.04%	VDS	-4.35%	VCF	0.00%	CTD	-4.08%			CHP	-0.18%	CSV	-4.03%
SHB	-0.39%	PDR	-1.10%			BHN	0.00%					BWE	-0.55%		
VPB	-0.58%	VPI	-1.13%			KDC	-0.20%					GEG	-0.78%		
ACB	-0.84%	CRE	-1.31%			PAN	-0.24%					POW	-1.42%		
CTG	-0.93%	VIC	-1.35%			HAG	-0.34%					PGV	-1.49%		
NAB	-1.15%	VHM	-1.61%			SBT	-0.71%					GAS	-1.55%		
TPB	-1.30%	IJC	-1.63%			ANV	-1.36%								
TCB	-1.41%	QCG	-1.75%			DBC	-1.69%								
VCB	-1.52%	VRE	-2.00%												
MBB	-1.66%	DXS	-2.05%												
		TCH	-2.54%												
		HDG	-2.73%												
		KDH	-2.89%												
		DIG	-3.21%												
		HDC	-4.35%												

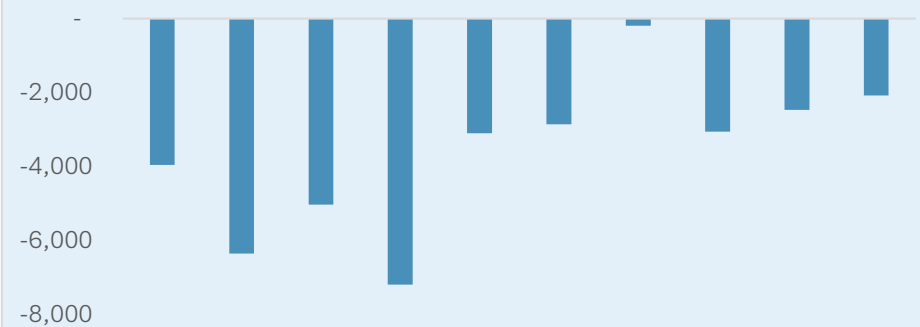
3.

Giao dịch khối ngoại

Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VNM	HOSE	305.71	51.18	254.54
2	VND	HOSE	43.30	7.98	35.32
3	LPB	HOSE	45.42	10.11	35.31
4	NLG	HOSE	17.32	0.60	16.71
5	NVL	HOSE	18.64	5.38	13.27
6	MSN	HOSE	59.43	49.32	10.11
7	MSB	HOSE	13.09	5.44	7.65
8	MCH	HOSE	22.83	17.08	5.75
9	VIC	HOSE	131.74	126.41	5.33
10	DGW	HOSE	5.95	1.77	4.17
11	VVS	HOSE	5.61	1.89	3.72
12	HHP	HOSE	3.84	0.13	3.71
13	BAF	HOSE	3.88	1.03	2.85
14	NAF	HOSE	2.87	0.18	2.69
15	MWG	HOSE	58.17	55.64	2.53

Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	TCB	HOSE	13.05	103.70	- 90.65
2	PNJ	HOSE	70.74	145.72	- 74.99
3	MBB	HOSE	17.95	89.35	- 71.40
4	VPB	HOSE	19.95	84.19	- 64.24
5	CTG	HOSE	1.67	50.79	- 49.12
6	VRE	HOSE	7.03	56.07	- 49.04
7	VHM	HOSE	29.80	78.27	- 48.47
8	ACB	HOSE	27.82	69.44	- 41.62
9	VIX	HOSE	0.41	41.74	- 41.33
10	BSR	HOSE	17.09	56.85	- 39.76
11	SSI	HOSE	10.20	49.89	- 39.69
12	GMD	HOSE	3.95	43.50	- 39.55
13	VCB	HOSE	8.43	45.95	- 37.52
14	VCI	HOSE	1.33	27.93	- 26.60
15	GEX	HOSE	3.95	27.37	- 23.41

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	84.23	-0.85%	10.39%	38.42%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	78.95	-1.52%	9.53%	37.50%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	3,992.10	-1.28%	-3.14%	-7.71%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,254	0.04%	0.16%	0.53%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,440	-0.04%	-0.11%	0.24%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,410	-0.04%	-0.15%	-1.53%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	4.10%	-0.06%	-0.58%	2.33%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.54%	0.00%	0.00%	0.47%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.72%	0.00%	-0.01%	0.54%

Ngày 16/7, NHNN hút ròng tiếp tục hơn 2.100 tỷ đồng, lãi suất ở mức 4,1%

Ngày 16/7, NHNN hút ròng 2.149,07 tỷ đồng từ thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Lãi suất bình quân liên ngân hàng VND giảm 0,10 – 0,15 điểm phần trăm ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1 tháng so với phiên trước đó.

5.

Bản tin doanh nghiệp



VPB: VPBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế tăng 68%

Đến cuối tháng 6, tổng tài sản hợp nhất của ngân hàng VPBank (VPB) đạt trên 1,5 triệu tỷ đồng, tăng 19,2% so với cuối năm 2025. Trong đó, dư nợ tín dụng tại ngân hàng mẹ đạt gần 1,06 triệu tỷ đồng, tăng 24,6%, chủ yếu nhờ tăng trưởng ở phân khúc khách hàng doanh nghiệp và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá hợp nhất đạt gần 902.000 tỷ đồng, tăng 22,7% so với cuối năm 2025, chủ yếu nhờ tăng trưởng tại ngân hàng mẹ.

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất duy trì ở mức 13%. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) riêng lẻ khoảng 2%, thấp hơn mục tiêu 2,5%, trong khi NPL hợp nhất dưới 3%.



GEE: Gelex Electric hoàn thành hơn 60% kế hoạch lợi nhuận năm

Quý II/2026, GELEX Electric ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất 9.524 tỷ đồng, tăng 46% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 945 tỷ đồng, tăng 31%.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, GELEX Electric đạt 16.621 tỷ đồng doanh thu hợp nhất, tăng 41% so với cùng kỳ và tương đương 61% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.700 tỷ đồng, hoàn thành 63% mục tiêu lợi nhuận cả năm.

Các công ty thành viên CADIVI, CFT, THIBIDI... đều ghi nhận mức thực hiện tích cực so với kế hoạch lũy kế, đóng góp quan trọng vào kết quả chung của toàn hệ thống.



CII: CII thu xếp gói vay hơn 1 tỷ USD cho cao tốc TPHCM - Trung Lương - Mỹ Thuận

Ngày 16/7, Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận, đơn vị triển khai dự án mở rộng cao tốc TPHCM - Trung Lương - Mỹ Thuận đã ký hợp đồng tín dụng với 6 ngân hàng để tài trợ cho dự án. Hạn mức tín dụng tối đa là 27.1 ngàn tỷ đồng.

CII là đại diện liên danh đầu tư, gồm CII, Tập đoàn Đèo Cả, Tasco, Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long và Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII. Nhóm CII hưởng khoảng 55% lợi ích theo hợp đồng BOT và tham gia thu xếp nguồn vốn. Trong khi đó, Vietcombank là ngân hàng đầu mối, cùng VietinBank, BIDV, Agribank, TPBank và VPBank tài trợ.

6.

Lịch sự kiện

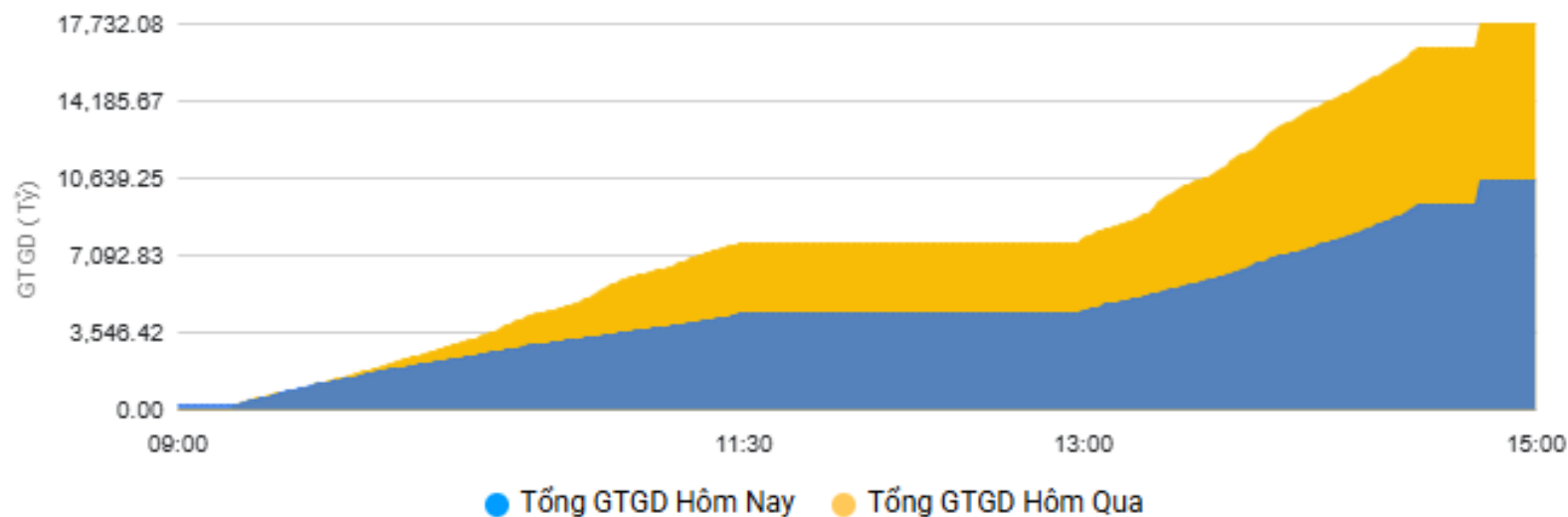
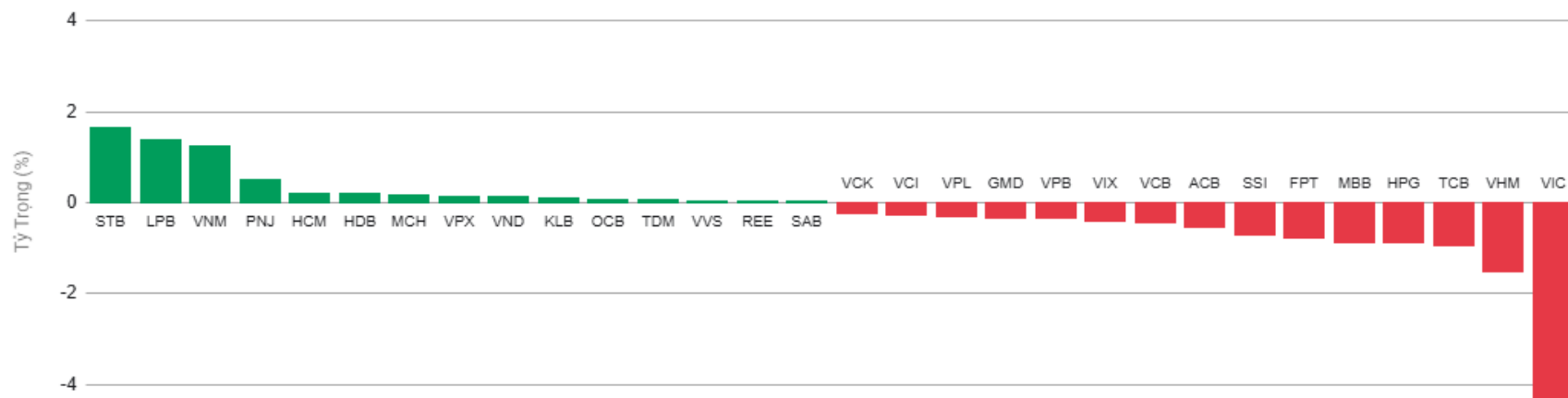
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
GSM	20/07/2026	08/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30%	3,000
VTK	20/07/2026		Phát hành cổ phiếu	30.29%	
MZG	20/07/2026		Phát hành cổ phiếu	10%	
HPP	20/07/2026		Phát hành cổ phiếu	15%	
RAT	20/07/2026	30/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
AAA	21/07/2026	06/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3%	300
DBM	21/07/2026	06/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	35%	3,500
HDW	21/07/2026	12/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8.2%	820
ICT	21/07/2026	31/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
PIC	21/07/2026	24/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
DRL	22/07/2026	04/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
XHC	22/07/2026	07/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
CTG	23/07/2026	27/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.5%	450
BWE	23/07/2026		Phát hành cổ phiếu	7:1	37.000
DVW	23/07/2026	31/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30%	3.000
IDC	23/07/2026	14/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
POT	23/07/2026	14/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.4%	440
SCS	23/07/2026	06/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2.500
VCB	23/07/2026	27/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.5%	450

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



● Tổng GTGD Hôm Nay ● Tổng GTGD Hôm Qua

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (17/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	32,381	25,850	25.3%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	15,200	54.6%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	36,300	31,450	15.4%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	23,750	27.9%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	24,823	23,550	5.4%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	27,250	18.1%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	32,000	25.6%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	58,500	23.1%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	38,800	23.0%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	73,500	-20.1%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	30,636	21,850	40.2%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	11,300	9.9%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	14,500	11,150	30.0%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	14,700	86.7%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	59,455	46,200	28.7%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	27,045	18,100	49.4%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (17/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	02/06/2026	40,400	24,850	62.6%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	18,450	127.6%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	18,246	12,200	49.6%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	6,700	79.1%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	28,050	44.4%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	44,000	88.6%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	24,550	22.2%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	81,200	140,500	-42.2%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	21,043	13,200	59.4%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	13,450	38.3%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	111,800	52.1%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	76,700	40.2%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	24,270	19,550	24.1%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	49,000	37,400	31.0%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (17/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VNM	28/05/2026	28/05/2026	75,000	59,000	27.1%		Link
ANV	05/06/2026	05/06/2026	31,000	18,100	71.3%		Link
VHC	05/06/2026	05/06/2026	75,000	57,200	31.1%		Link
PHR	05/06/2026	05/06/2026	84,000	60,900	37.9%		Link
FMC	12/06/2026	12/06/2026	45,000	33,850	32.9%		Link
REE	12/06/2026	12/06/2026	62,000	46,250	34.1%		Link
DPG	12/06/2026	12/06/2026	45,000	30,100	49.5%		Link
SIP	18/06/2026	18/06/2026	74,000	48,450	52.7%		Link
IDC	19/06/2026	19/06/2026	60,000	37,400	60.4%		Link
PHP	26/06/2026	26/06/2026	59,000	37,200	58.6%		Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

